TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2023/HS-ST Ngày 14 tháng 7 năm 2023	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên

Ông Lý Quang Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 77/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. L V H, sinh năm: 19..; nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông L V C sinh năm 19.. và bà V T G, sinh năm 19.. (đã chết); Vợ: P T N, sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/02/2023 đến ngày 12/02/2023. Ngày 12 tháng 02 năm 2023 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn thành cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa

2. V T Ư, sinh năm: 19..; Nơi sinh: nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông V V S sinh năm 19.. và bà V T N, sinh năm 19.. ; chồng: không có..; tiền án: không; tiền sự: không;

3. L T L, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông L V S sinh năm 19.. và bà T T Đ, sinh năm 19.. chồng: T V,T sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

4. X T M, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông X V C sinh năm 19.. và bà M T Đ, sinh năm 19.. chồng: L V,T sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

5. M T N, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông M V T sinh năm 19.. và bà V T T, sinh năm 19.. chồng: Đ V T sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

6. V V T, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông V Q C sinh năm 19.. và bà T T M, sinh năm 19.. vợ: L T L sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

7. L T P, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông L V L sinh năm 19.. và bà L T L, sinh năm 19.. chồng: L V,T sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

8. L T D, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông L V X sinh năm 19.. và bà P T T, sinh năm 19.. chồng: không có..; tiền án: không; tiền sự: không;

9. V T T, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông V V Đ sinh năm 19.. và bà L T H, sinh năm 19.. chồng: L V,T sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

10. V T X, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông V V N sinh năm 19.. và bà L T K, sinh năm 19.. chồng: V V D sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

11. V T V, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông V V T sinh năm 19.. và bà M T Đ, sinh năm 19.. chồng: P P K sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

12. L T M, sinh năm: 19..; Nơi sinh: huyện X, tỉnh Y; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã B, huyện C, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: …; Dân tộc: …; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Con ông L V P sinh năm 19.. và bà V T T, sinh năm 19.. chồng: C V V sinh năm 19..; tiền án: không; tiền sự: không;

Các bị cáo V T Ư, L T L, X T M, M T N, V V T, L T P, L T D, V T T, V T X, V T V và L T M bị tạm giữ từ ngày 02/02/2023 đến ngày 11/02/2023. Ngày 11 tháng 02 năm 2023 bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn thành cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 02/02/2023, L V H đi đến bản B, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu chơi. Khi đến khu vực gần nhà văn hóa bản Hà có nghe người dân nói tại khu vực bãi ruộng nhà ông V V T sinh năm 19.. trú tại bản B, xã B, huyện Phong Thổ có nhiều người đang tụ tập đánh bạc. L V H để xe mô tô ở nhà văn hóa và đi bộ lên khu ruộng nhà anh V V T. Khi lên đến nơi, H nhìn thấy có nhiều người chơi (không nhớ chính xác là những ai) đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, đặt cửa chẵn lẻ,được thua bằng tiền Việt Nam.

Sẵn có 900.000 đồng nên L V H đã dùng số tiền đó để tham gia đánh bạc. Do những người đánh bạc chủ yếu là phụ nữ nên khi thấy L V H là đàn ông vào chơi, những người này đã đề nghị H sẽ là người xóc đĩa (làm cái). H đồng ý và sử dụng bát, đĩa, con vị để "xóc đĩa" và thu tiền của người thua trả cho người thắng, nếu ván nào số tiền thắng nhiều hơn số tiền thua thì H sẽ phải tự bù tiền của mình vào (số tiền lớn nhất là 200.000 đồng và nhỏ nhất là 10.000 đồng cho người đặt/01 ván chơi). Quá trình chơi có người ra người vào liên tục nên L V H không nhớ được cụ thể những ai đã tham gia đánh bạc.

Trong thời gian từ 14 giờ đến 17 giờ cùng ngày, khi L V H làm cái thì có L T M, L T P, V V T, M T N, L T L, L T D, X T M, V T V, V T T, V T Ư, V T X tham gia đặt cược đánh bạc với L V H. Quá trình điều tra, L T M khai đã sử dụng 150.000 đồng; L T D khai sử dụng 550.000 đồng; X T M khai đã sử dụng 500.000 đồng; L T L khai đã sử dụng 30.000 đồng, V T V khai đã sử dụng 500.000 đồng, V T T khai đã sử dụng 1.700.000 đồng, L T P khai đã sử dụng 90.000 đồng, V V T khai đã sử dụng 500.000 đồng, V T Ư khai đã sử dụng 1.300.000 đồng, V T X khai đã sử dụng 500.000 đồng, M T N khai đã sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc đều cầm tiền sử dụng vào việc đánh bạc ở tay, khi đặt cược bên cửa nào thì sẽ thả số tiền mà mình muốn đặt cược xuống chiếu về phía bên cửa đó.

L V H và những bị cáo khác cùng nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Công an tỉnh Lai Châu phát hiện và bắt quả tang. Quá trình bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 14.225.000 đồng; 01 chiếc chiếu, 02 ghế tựa màu xanh bằng nhựa, 01 chiếc ghế nhựa màu đỏ, 01 chiếc ghế mây hình tròn, 02 chiếc ghế làm bằng sắt và dây nhựa hình tròn, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Khi thấy cơ quan Công an phát hiện và bắt giữ thì L V H đã cầm 300.000 đồng là tiền đánh bạc mà có, bỏ chạy về nhà.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKS ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị can L V H về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc";

Về điều luật: áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị:

- Xử phạt bị cáo L V H từ 9 đến 12 tháng tù

- Xử phạt các bị V T Ư, L T L, X T M, M T N, V V T, L T P, L T D, V T T, V T X, V T V, L T M từ 6 đến 8 tháng tù.

Về vật chứng: Ap dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1, khoản 2 Điều 106 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.525.000 đồng là số tiền các bị cáo đánh bạc.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa; 02 chiếc ghế nhựa có tựa, màu xanh; 01 chiếc ghế nhựa màu đỏ; 01 chiếc ghế mây hình tròn; 02 chiếc ghế sắt hình tròn, có đệm ngồi bằng nhựa; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

Đối với xe máy, điện thoại của các bị cáo do không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu trả lại cho các bị cáo theo quy định nên đề nghị không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 321 BLHS

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí cho các bị cáo do sinh sống ở vùng đặng biệt khó khăn về kinh tế xã hội.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, không oan, không sai. Các bị cáo thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải và không có tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các quyết định tố tụng được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 17 giờ ngày 02/02/2023, tại bãi ruộng nhà anh Vàng V T. Các bị cáo L V H, V T T, V T Ư, L T D, X T M, V V T, V T V, V T X, M T N, L T M, L T P, L T L đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền với nhau thì bị công an phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền là 14.225.000 đồng, bị cáo H bỏ trốn đến ngày 03/02/2023 ra đầu thú nộp lại số tiền 300.000 đồng dùng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang và quá trình điều tra các bị cáo thừa nhận số tiền thu giữ trên chiếu bạc là số tiền dùng vào đánh bạc. Các bị cáo cũng khai tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.050.000 đồng, tuy nhiên đây chỉ là lời khai duy nhất của các bị cáo. Do đó, số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.525.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện tuy ít nguy hiểm cho xã hội nhưng đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình đã gây ra.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Bị cáo H là đàn ông nên được các bị cáo khác giao là người cầm cái, xóc đĩa để các bị cáo khác đánh bạc. Bát sứ, đĩa sứ và bài vị dùng để xóc đĩa có có trước khi các bị cáo đến, trong số các bị cáo không có ai là người chuẩn bị, tổ chức đánh bạc.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án tiền sự nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số đa số sống ở vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, lựa chọn hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính phòng ngừa chung. Quan điểm đề nghị về hình phạt chính của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.525.000 đồng là số tiền các bị cáo đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa; 02 chiếc ghế nhựa có tựa, màu xanh; 01 chiếc ghế nhựa màu đỏ; 01 chiếc ghế mây hình tròn; 02 chiếc ghế sắt hình tròn, có đệm ngồi bằng nhựa; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

Đối với xe máy, điện thoại thu của các bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án không là vật chứng của vụ án do không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo theo quy định.

[4] Về án phí: Các bị cáo sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội nên được miễn án phí. Bị cáo V T Ư phải chịu án phí theo quy định do đang sống ở vùng không đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Khoản 1, 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Các bị cáo L V H, V T T, V T Ư, L T D, X T M, V V T, V T V, V T X, M T N, L T M, L T P, L T L phạm tội "Đánh bạc"

2. Xử phạt:

2. 1 Bị cáo L V H 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 17 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân

dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.2. Bị cáo V T T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.3. Bị cáo V T Ư 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ.

2.4. Bị cáo L T D 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B huyênn Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ.

2.5. Bị cáo X T M 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ.

2.6. Bị cáo V V T 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.7. Bị cáo V T V 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.8. Bị cáo V T X 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.9. Bị cáo M T N 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không

giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.10. Bị cáo L T M 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.11. Bị cáo L T P 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ

2.12. Bị cáo L T L 12 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 27 ngày do bị tạm giữ 9 ngày còn phải chấp hành 11 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ nhận được bản án và quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ.

Giao các bị cáo L V H, V T T, L T D, X T M, V V T, V T V, V T X, M T N, L T M, L T P, L T L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo đều là lao động tự do, làm ruộng thu nhập không ổn định là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.525.000 đồng là số tiền các bị cáo đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa; 02 chiếc ghế nhựa có tựa, màu xanh; 01 chiếc ghế nhựa màu đỏ; 01 chiếc ghế mây hình tròn; 02 chiếc ghế sắt hình tròn, có đệm ngồi bằng nhựa; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long.

(Tình trạng, mô tả vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ)

4. Án phí sơ thẩm: Bị cáo V T Ư phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: L V H, V T T, L T D, X T M, V V T, V T V, V T X M T N, L T M, L T P, L T L.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CQCSĐT CA huyện Phong Thổ;
- CQTHAHS CA huyện Phong Thổ;
- CCTHADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B, P. K;
- Các Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá